TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HS-ST
Ngày: 23/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phương Thúy;

2. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Hoàng Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Tuynh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 237/2023/HSST ngày 07/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/HSST ngày 05 tháng 12 năm 2023; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Tri L, tên gọi khác: Không, sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: A T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Tri H và bà Huỳnh Thị R; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 02/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, về việc đưa người vào Cơ sở chữa bệnh, với thời hạn 24 tháng; Bản án số 41/2012/HSST ngày 08/7/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2023 - Có mặt.

2/ Họ và tên: Lê Văn T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 263/9 đường X, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 263/9 đường X, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; con ông Lê Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Thị C; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Bản án số 129/2022/HSST ngày 13/9/2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 9290/QĐ-UB ngày 01/7/2002 của Chủ tịch UBND Thành phố H, về việc đưa người vào cơ sở chữa bệnh, với thời hạn 24 tháng; Quyết định số 1297/QĐ-U ngày 11/6/2013 của Chủ tịch U1 về việc đưa người vào cơ sở chữa bệnh, với thời hạn 24 tháng; Bản án số 03/2019/HSST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/7/2023 – Có mặt.

Bị hại: Ông Trần Tấn T2, sinh năm 2005; Địa chỉ: 1 H, Khu phố A, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Đinh Văn V, sinh năm 1981; Địa chỉ: 1942/118/30 H, Tổ A, Khu phố F, Thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Vũ L1; Địa chỉ: Thôn A, xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt;

3/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ; Địa chỉ: 2 N, P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 11/7/2023, Lê Văn T điều khiển xe máy hiệu Novou biển số: 54F5 – 2118, chở L từ Quận D, qua Quận G, tìm kiếm tài sản trộm cắp. Đến trước nhà số A H, phường P, Quận G, T, L phát hiện xe máy hiệu Lifan, biển số: 47B2 – 31237 của anh Trần Tấn T2, để trên lề đường, có cắm chìa khóa xe, không có người trông coi. T dừng xe đứng cảnh giới. L đi bộ đến mở công tắc, lấy trộm xe hiệu Lifan biển số: 47B2 – 31237 cùng với T tẩu thoát. Khi đến trước nhà số D đường Đ, phường P, Quận G, Lê Văn T bị Tổ công tác Đội cảnh sát hình sự đặc nhiệm – Phòng C1 - Công an Thành phố H phối hợp cùng Tổ tuần tra Công an phường P, Quận G; còn Nguyễn Tri L bị bắt giữ tại ngã ba đường Đ, phường P, Quận G cùng tang vật.

Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Tri L và Lê Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản trên của mình, giao nộp lại tài sản đã trộm cắp.

Kết luận định giá tài sản số: 193/KL-HĐĐGTTHS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của U2, kết luận 01 (một) xe gắn máy hiệu Lifan C100, biển số 47B2 – 31237, đăng ký lần đầu tháng 01/2018, có giá trị là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Novou biển số: 54F5-2118, số máy 55P11237472, số khung: 110AY237471, là phương tiện đi trộm cắp xe, do bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đứng tên chủ sở hữu.

- 01 (một) điện thoại hiệu KECHAODA, imei 1: 866484050072650; imei 2: 866484050072668, của Lê Văn T dùng để liên lạc.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Lifan biển số: 47B2-31237 số máy: FMG310718663, số khung: GL08Y0718663, là tài sản bị chiếm đoạt, xe do ông Nguyễn Vũ L1 đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh tại nơi đăng ký thường trú hiện ông L1 không có mặt, không sinh sống tại địa chỉ trên, không rõ đi đâu, làm gì. Làm việc với ông Đinh Văn V, khai nhận xe trên ông V mua kại của ông Nguyễn Vũ L1 cách đây 02 năm với giá 1.000.000 đồng. L1 giao xe và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, mang tên Nguyễn Vũ L1, không làm giấy mua bán xe. Ngày 10/7/2023 ông V cho anh Trần Tấn T2 mượn xe để đi làm thì bị chiếm đoạt.

- 01 (một) điện thoại hiệu Coolpad màu đen, imei 1: 869334040879325, imei 2: 869334040826599, của Nguyễn Tri L sử dụng dùng để liên lạc.

Về dân sự: Bị hại ông Trần Tấn T2 không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Bản cáo trạng số: 199/CT-VKSQ7 ngày 03/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Tri L và Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Tri L từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 201: Xử phạt bị cáo và Lê Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Về dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nguyễn Tri L và Lê Văn T khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Bị cáo L gọi điện thoại rủ bị cáo T đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 11/7/2023, Lê Văn T điều khiển xe máy hiệu Novou biển số: 54F5 – 2118 chở L từ Quận D sang Quận G, đến trước nhà số A H, phường P, Quận G. Các bị cáo phát hiện xe máy hiệu Lifan, biển số: 47B2 – 31237 của anh Trần Tấn T2, để trên lề đường, có cắm chìa khóa xe, không có người trông coi. T dừng xe đứng cảnh giới. L đi bộ đến mở công tắc, lấy trộm xe hiệu Lifan biển số: 47B2 – 31237 cùng với T tẩu thoát. Khi đến trước nhà số D đường Đ, phường P, Quận G, Lê Văn T bị Tổ công tác Đội cảnh sát hình sự đặc nhiệm – Phòng C1 - Công an Thành phố H phối hợp cùng Tổ tuần tra Công an phường P, Quận G; còn Nguyễn Tri L bị bắt giữ tại ngã ba đường Đ, phường P, Quận G cùng tang vật.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 193/KL-HĐĐGTTHS ngày 13/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của U2, kết luận 01 (một) xe mô tô hiệu Lifan C100, biển số 47B2 – 31237, đăng ký lần đầu tháng 01/2018, có giá trị là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Do đó, hành vi này của các bị cáo Nguyễn Tri L và Lê Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi. Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Tri L và Lê Văn T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Các bị cáo vẫn còn sức khỏe, khả năng lao

động và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Do đó cần phải có mức án tương xứng thì mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lê Văn T có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 13/9/2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số: 129/2022/HSST, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Do vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, bị cáo T còn có nhân thân xấu: Quyết định số 9290/QĐ-UB ngày 01/7/2002 của Chủ tịch UBND Thành phố H, về việc đưa người vào cơ sở chữa bệnh, với thời hạn 24 tháng; Quyết định số 1297/QĐ-U ngày 11/6/2013 của Chủ tịch U1 về việc đưa người vào cơ sở chữa bệnh, với thời hạn 24 tháng; Bản án số 03/2019/HSST ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Nguyễn Tri L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu: Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 02/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, về việc đưa người vào Cơ sở chữa bệnh, với thời hạn 24 tháng; Bản án số 41/2012/HSST ngày 08/7/2012 của Tòa án nhân dân Thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xử phạt 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Lifan, biển số: 47B2-312.37 số máy: FMG310718663, số khung: GL08Y0718663 do ông Nguyễn Vũ L1 (địa chỉ: Thôn A, xã H, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) đứng tên chủ sở hữu. Ông Đinh Văn V khai mua lại của ông Nguyễn Vũ L1, không làm giấy tờ mua bán xe với giá 1.000.000 đồng. Ngày 10/7/2023 ông V cho anh Trần Tấn T2 mượn xe để đi làm thì bị chiếm đoạt. Qua xác minh tại địa chỉ trên, ông L1 có đăng ký thường trú nhưng không cư trú thực tế trên địa chỉ trên, không rõ đi đâu, làm gì. Do đó, cần tiếp tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng

trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp chiếc xe gắn máy Lifan, biển số: 47B2-312.37 số máy: FMG310718663, số khung: GL08Y0718663. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại cho ông Đinh Văn V.

- 01 (một) ĐTDĐ hiệu Coolpad màu đen, imei 1: 869334040879325, imei 2: 869334040826599. Đây là công cụ của Nguyễn Tri L sử dụng dùng để liên lạc với Lê Văn T để cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Nouvo, biển số: 54F5-2118, số máy 55P11237472, số khung: 110AY237471, là phương tiện bị cáo T và L đi trộm cắp xe, do bà Nguyễn Thị Ngọc Đ (địa chỉ: 2 N, phường C, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Qua xác minh, tại địa chỉ 2 N, phường C, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai Nguyễn Thị Ngọc Đ đăng ký thường trú, tạm trú và lưu trú. Do vậy, cần tiếp tục thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp chiếc xe gắn máy Yamaha Nouvo biển số: 54F5-2118, số máy 55P11237472, số khung: 110AY237471. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) điện thoại hiệu KECHAODA, imei 1: 866484050072650; imei 2: 866484050072668. Đây là điện thoại của Lê Văn T dùng để liên lạc với Nguyễn Tri L để cùng nhau đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần Tấn T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn V không có yêu cầu gì thêm cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tri L, Lê Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tri L 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 11/7/2023.

3. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

3.1. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) ĐTDĐ hiệu Coolpad màu đen, imei 1: 869334040879325, imei 2: 869334040826599; 01 (một) điện thoại hiệu KECHAODA, imei 1: 866484050072650; imei 2: 866484050072668.

3.2. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp 01 (một) chiếc xe gắn máy Yamaha Nouvo biển số: 54F5-2118, số máy: 55P11237472, số khung: 110AY237471. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì tịch thu sung quỹ nhà nước;

Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày để tìm người quản lý hợp pháp 01 (một) chiếc xe gắn máy Lifan, biển số: 47B2-312.37 số máy: FMG310718663, số khung: GL08Y0718663. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà tìm được người quản lý hợp pháp thì trả lại xe. Hết thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo mà vẫn không tìm được người quản lý hợp pháp thì thì trả lại cho ông Đinh Văn V;

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 020 ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được

quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (Tk. Vân Anh)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đào Lê Anh